



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên
------------------	------------

Ban Giám đốc	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Nam Định, **29-08-2024**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định

Tổng Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị ghi sổ là 27.450 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 28.189 triệu VND). Đồng thời, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lỗ trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này là 738 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: lãi 2.141 triệu VND). Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024, chúng tôi không được tiếp cận với sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, do vậy chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc các kỳ kế toán trên. Vấn đề này đã khiến chúng tôi đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tổng Công ty. Chúng tôi cũng đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ hiện tại do chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với:

- Khoản đầu tư vào công ty liên kết và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024; và
- Phần lỗ trong công ty liên kết, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp và lỗ cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và các thông tin so sánh có liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00251-24-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2024**

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 5594-2020-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		431.248.472.978	473.336.912.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.972.610.917	10.086.519.712
Tiền	111	9	16.972.610.917	10.086.519.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.632.500.000	25.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	26.632.500.000	25.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.755.302.482	162.971.841.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	179.107.759.963	162.543.549.948
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.684.792.203	2.992.283.696
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	7.892.290.692	7.461.705.752
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(6.929.540.376)	(10.025.698.037)
Hàng tồn kho	140	14	192.040.459.007	268.987.312.482
Hàng tồn kho	141		192.895.020.086	281.758.382.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(854.561.079)	(12.771.069.694)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.847.600.572	5.591.239.126
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	3.339.402.496	669.221.639
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.445.930.796	4.922.017.487
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21	62.267.280	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		604.741.379.902	637.573.167.427
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.146.025.837	1.514.527.334
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	4.346.025.837	4.714.527.334
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	13	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		513.169.595.084	544.125.366.728
Tài sản cố định hữu hình	221	15	494.886.544.949	522.907.579.552
Nguyên giá	222		1.224.282.651.138	1.249.150.711.744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(729.396.106.189)	(726.243.132.192)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	18.188.550.135	21.091.787.176
Nguyên giá	225		25.254.871.724	30.680.191.724
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.066.321.589)	(9.588.404.548)
Tài sản cố định vô hình	227		94.500.000	126.000.000
Nguyên giá	228		660.000.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(565.500.000)	(534.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	17	5.457.039.635	5.811.905.951
Nguyên giá	231		17.955.138.931	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.498.099.296)	(12.143.232.980)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.223.063.514	17.853.601.700
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	18.223.063.514	17.853.601.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.245.644.070	54.735.386.889
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	49.697.089.070	50.186.831.889
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	10(a)	3.200.000.000	3.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		12.500.011.762	13.532.378.825
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	11.778.781.555	13.529.618.763
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		721.230.207	2.760.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.035.989.852.880	1.110.910.080.106

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		927.623.241.576	949.354.648.247
Nợ ngắn hạn	310		638.647.287.650	646.684.616.457
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	150.419.657.075	89.457.031.169
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.273.064.892	5.028.580.772
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	5.733.100.640	2.226.356.871
Phải trả người lao động	314		7.269.606.521	13.615.750.263
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	3.732.924.465	2.942.378.145
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		824.448.397	558.145.242
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	11.082.943.344	7.601.441.189
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	448.758.251.728	524.546.214.218
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	553.290.588	708.718.588
Nợ dài hạn	330		288.975.953.926	302.670.031.790
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.667.311.933	8.667.311.933
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	1.015.933.821	831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	279.292.708.172	293.170.796.035
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		108.366.611.304	161.555.431.859
Vốn chủ sở hữu	410	26	108.366.611.304	161.555.431.859
Vốn cổ phần	411	27	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	96.374.351.760	96.374.351.760
Lỗi lũy kế	421		(157.482.789.925)	(103.915.038.630)
- (Lỗi lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(103.955.793.020)	29.518.796.002
- Lỗi kỳ này/năm nay	421b		(53.526.996.905)	(133.433.834.632)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.087.464.957	12.708.534.217
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.035.989.852.880	1.110.910.080.106

29-08-2024

Người lập:



Nguyễn Thị Tình
Kế toán viên

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hương
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	679.832.218.024	738.478.815.768
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	669.950.839.412	766.434.278.726
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 - 11)	20		9.881.378.612	(27.955.462.958)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	4.998.190.851	18.890.011.273
Chi phí tài chính	22	33	40.582.271.769	40.908.446.617
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.380.192.632	29.458.334.968
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24	10(b)	(489.742.819)	4.097.060.781
Chi phí bán hàng	25	34	6.245.274.216	8.461.842.425
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	22.810.352.523	21.102.861.725
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(55.248.071.864)	(75.441.541.671)
Thu nhập khác	31		1.931.164.003	1.067.828.618
Chi phí khác	32		227.121.219	188.522.003
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.704.042.784	879.306.615
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(53.544.029.080)	(74.562.235.056)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	286.753.620	18.623.572
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(718.470.145)	92.984.859
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(53.112.312.555)	(74.673.843.487)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(53.112.312.555)	(74.673.843.487)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(53.526.996.905)	(75.141.194.782)
Cổ đông không kiểm soát	62		414.684.350	467.351.295
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(3.422)	(4.804)

29-08-2024

Người lập:

Nguyễn Thị Tinh
Kế toán viên

Người duyệt:

Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(53.544.029.080)	(74.562.235.056)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		32.325.493.814	34.438.507.381
Các khoản dự phòng	03		(11.836.827.499)	(20.106.697.147)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.018.758.297	(31.674.737)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.088.211.240)	(5.501.229.827)
Chi phí lãi vay	06		28.380.192.632	29.458.334.968
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.255.376.924	(36.304.994.418)
Biến động các khoản phải thu	09		(24.475.895.674)	8.083.007.470
Biến động hàng tồn kho	10		88.863.362.090	32.289.289.779
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		73.365.965.355	46.489.078.612
Biến động chi phí trả trước	12		(949.502.235)	450.131.087
			141.059.306.460	51.006.512.530
Tiền lãi vay đã trả	14		(26.236.834.860)	(28.428.004.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.578.841.972)	(219.330.076)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(231.936.000)	(759.597.751)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		113.011.693.628	21.599.580.614
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.975.648.207)	(22.885.700.809)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.918.071.759	9.898.356.335
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(800.000.000)	(3.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.251.132.340	1.096.896.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.606.444.108)	(14.890.448.148)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		491.936.022.419	596.339.776.380
Tiền trả nợ gốc vay	34		(591.558.068.260)	(602.740.498.154)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.219.134.968)	(1.119.250.072)
Tiền trả cổ tức	36		(3.275.000)	(3.981.888.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(101.844.455.809)	(11.501.860.055)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.560.793.711	(4.792.727.589)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		10.086.519.712	23.417.844.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		325.297.494	837.641.271
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	16.972.610.917	19.462.757.910

29-08-2024

Người lập:



Nguyễn Thị Tình
Kế toán viên

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty có 5 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2024: 4 công ty con và 4 công ty liên kết), được liệt kê như sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		30/6/2024	1/1/2024	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
5	Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định (*)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	100%	-
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

(*) Đây là công ty con mới được thành lập trong kỳ theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-DMND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Các công ty con và các công ty liên kết của Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có 1.629 nhân viên (1/1/2024: 1.573 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ sau thuế hợp nhất trong kỳ của Tổng Công ty và các công ty con là 53.112 triệu VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 74.674 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 207.399 triệu VND (1/1/2024: 173.348 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai và việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tổng Công ty dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 30 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ/năm trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con

Trong kỳ, Công ty TNHH MTV May 2 – Dệt may Nam Định, một công ty con mới của Tổng Công ty, được thành lập theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Vai Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	67.779.337	475.058.702	100.356.524	36.637.655	-	679.832.218
Doanh thu giữa các bộ phận	-	4.908.054	17.327.304	4.943.294	(27.178.652)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	67.779.337	479.966.756	117.683.828	41.580.949	(27.178.652)	679.832.218
Kết quả kinh doanh của bộ phận	118.940	(24.190.183)	14.043.092	19.909.530	-	9.881.379
Chi phí không phân bổ						(29.055.627)
Doanh thu tài chính						4.998.191
Chi phí tài chính						(40.582.272)
Phần lỗ trong công ty liên kết						(489.743)
Kết quả hoạt động khác						1.704.042
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						431.717
Lỗ sau thuế TNDN						(53.112.313)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Vải	Sợi	Thành phẩm may mặc	Các bộ phận khác	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	76.903.740	526.149.582	109.844.338	25.581.156	-	738.478.816
Doanh thu giữa các bộ phận	-	16.705.327	16.963.287	15.042.081	(48.710.695)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	76.903.740	542.854.909	126.807.625	40.623.237	(48.710.695)	738.478.816
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.169.554	(55.361.059)	23.152.603	2.083.439	-	(27.955.463)
Chi phí không phân bổ						(29.564.704)
Doanh thu tài chính						18.890.012
Chi phí tài chính						(40.908.447)
Phần lãi trong công ty liên kết						4.097.061
Kết quả hoạt động khác						879.306
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(111.608)
Lỗ sau thuế TNDN						(74.673.843)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tài sản của bộ phận	35.263.576	249.712.443	61.227.399	20.700.053	366.903.471
Khoản đầu tư vào công ty liên kết không phân bổ					49.697.089
Tài sản không phân bổ khác					619.389.293
Tổng tài sản					1.035.989.853
Tổng nợ phải trả					927.623.242
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024					
Tài sản của bộ phận	58.893.952	265.722.095	76.128.104	23.753.297	424.497.448
Khoản đầu tư vào công ty liên kết không phân bổ					50.186.832
Tài sản không phân bổ khác					636.225.800
Tổng tài sản					1.110.910.080
Tổng nợ phải trả					949.354.648

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Chi tiêu vốn của bộ phận
Chi tiêu vốn không phân bổ
Khấu hao tài sản cố định
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ

Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
670.439	4.747.587	1.164.069	393.553	6.975.648
-	-	-	-	-
2.887.133	20.444.696	5.012.868	2.079.800	30.424.497
-	-	-	-	1.900.997

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Chi tiêu vốn của bộ phận
Chi tiêu vốn không phân bổ
Khấu hao tài sản cố định
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ

Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
2.211.419	15.610.159	3.646.439	1.168.148	22.636.165
-	-	-	-	249.536
3.107.635	21.936.446	5.124.221	1.990.947	32.159.249
-	-	-	-	2.279.258

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày

Doanh thu thuần của bộ phận	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	458.408.992	59.706.463	161.716.763	679.832.218
- Tài sản của bộ phận phân bổ	-	-	-	1.035.989.853
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ	111.757.345	14.418.106	55.617.101	181.792.552
	-	-	-	854.197.301

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày

Doanh thu thuần của bộ phận	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	421.216.951	234.969.242	82.292.623	738.478.816
- Tài sản của bộ phận phân bổ	-	-	-	1.249.609.383
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ	217.253.382	121.191.377	42.444.518	380.889.277
	-	-	-	868.720.106

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	753.746.249	2.584.035.064
Tiền gửi ngân hàng	16.218.864.668	7.502.484.648
	16.972.610.917	10.086.519.712

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	26.632.500.000	(*)	25.700.000.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	3.200.000.000	(*)	3.200.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 7%/năm (1/1/2024: từ 4,8% đến 7%/năm).
- (ii) Khoản trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất 4,7%/năm (1/1/2024: 4,7%/năm).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2024			1/1/2024		
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	304.517	36,00%	4.945.717.734	304.517	36,00%	4.801.463.292
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.300.000	36,92%	27.450.302.957	2.300.000	36,92%	28.188.665.718
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	198.000	36,00%	2.911.894.583	198.000	36,00%	2.881.332.659
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	14.389.173.796	1.379.100	45,97%	14.315.370.220
			49.697.089.070			50.186.831.889
Đơn vị khác						
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	107.079	0,002%	1.348.555.000	107.079	0,002%	1.348.555.000
			3.319.449.000			2.901.840.900

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	50.186.831.889	48.889.856.410
Phần (lỗ)/lãi trong các công ty liên kết	(489.742.819)	4.097.060.781
Cổ tức được chia	-	(2.274.160.000)
Số dư cuối kỳ	49.697.089.070	50.712.757.191

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	85.610.259.604	84.918.702.921
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	194.007.335	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	74.786.674	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	1.003.578.188	-
Bên khác		
Mascotex Limited	16.382.558.988	-
Shanta Expressions Ltd	8.252.940.960	-
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	8.019.246.715	11.397.904.974
Các khách hàng khác	59.570.381.499	66.226.942.053
	179.107.759.963	162.543.549.948

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 6,7%/năm (1/1/2024: 8,7%/năm) khi quá hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	3.699.247.000	3.699.247.000
Tạm ứng	2.199.580.444	-
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	602.917.497	10.511.848
Phải thu Kho bạc Nhà nước	-	2.448.642.181
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	561.683.672
Phải thu khác	1.390.545.751	741.621.051
	<hr/>	<hr/>
	7.892.290.692	7.461.705.752
	<hr/>	<hr/>

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	602.917.497	-
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	10.511.848
	<hr/>	<hr/>
	602.917.497	10.511.848
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	1.146.025.837	1.514.527.334
	<hr/>	<hr/>
	4.346.025.837	4.714.527.334
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2024			1/1/2024				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 4 năm	4.944.999.999	(4.944.999.999)	-	Trên 4 năm	4.944.999.999	(4.944.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất								
Thương mại Dịch vụ Bạch Việt					Trên 4 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	177.451.646	(88.725.824)	88.725.822	Từ 1 - 2 năm	18.089.415	(9.044.708)	9.044.707
Các đối tượng khác	Từ 2 - 3 năm	521.700.313	(365.190.219)	156.510.094	Từ 2 - 3 năm	571.841.703	(400.289.192)	171.552.511
Các đối tượng khác	Trên 4 năm	4.863.292.719	(4.730.624.334)	132.668.385	Trên 4 năm	4.988.304.773	(4.988.304.773)	-
		<u>10.507.444.677</u>	<u>(10.129.540.376)</u>	<u>377.904.301</u>		<u>13.406.295.255</u>	<u>(13.225.698.037)</u>	<u>180.597.218</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(6.929.540.376)
(3.200.000.000)

(10.129.540.376)

(10.025.698.037)
(3.200.000.000)

(13.225.698.037)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.664.762.500	-	23.598.213.789	(537.824.343)
Nguyên vật liệu	54.333.597.604	(347.229.182)	84.419.108.286	(1.795.361.408)
Công cụ và dụng cụ	75.799.522	-	120.357.398	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.441.699.909	-	14.043.704.822	(127.726.551)
Thành phẩm	66.727.192.525	(183.659.027)	133.234.512.630	(10.252.669.652)
Hàng hóa	5.561.170.279	-	26.342.485.251	(57.487.740)
Hàng gửi bán	10.090.797.747	(323.672.870)	-	-
	192.895.020.086	(854.561.079)	281.758.382.176	(12.771.069.694)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	337.819.978.030	850.775.099.688	57.011.354.804	3.544.279.222	1.249.150.711.744
Tăng trong kỳ	-	570.400.000	-	-	570.400.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	576.363.636	-	-	576.363.636
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	5.425.320.000	-	-	5.425.320.000
Thanh lý	-	(30.843.685.484)	(564.029.258)	(32.429.500)	(31.440.144.242)
Số dư cuối kỳ	337.819.978.030	826.503.497.840	56.447.325.546	3.511.849.722	1.224.282.651.138
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	141.003.216.313	546.590.839.337	36.377.600.369	2.271.476.173	726.243.132.192
Khấu hao trong kỳ	7.888.203.583	21.245.542.422	1.758.632.434	110.864.803	31.003.243.242
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	3.427.808.629	-	-	3.427.808.629
Thanh lý	-	(30.681.619.116)	(564.029.258)	(32.429.500)	(31.278.077.874)
Số dư cuối kỳ	148.891.419.896	540.582.571.272	37.572.203.545	2.349.911.476	729.396.106.189
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	196.816.761.717	304.184.260.351	20.633.754.435	1.272.803.049	522.907.579.552
Số dư cuối kỳ	188.928.558.134	285.920.926.568	18.875.122.001	1.161.938.246	494.886.544.949

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 244.083 triệu VND (1/1/2024: 276.967 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 426.829 triệu VND (1/1/2024: 431.533 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	30.680.191.724
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.425.320.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	25.254.871.724
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	9.588.404.548
Khấu hao trong kỳ	905.725.670
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.427.808.629)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.066.321.589
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.091.787.176
Số dư cuối kỳ	18.188.550.135
	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	12.143.232.980
Khấu hao trong kỳ	354.866.316
Số dư cuối kỳ	12.498.099.296
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.811.905.951
Số dư cuối kỳ	5.457.039.635

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	17.853.601.700	36.266.360.950
Tăng trong kỳ	945.825.450	12.230.601.855
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(576.363.636)	(12.689.113.370)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(733.742.609)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(111.306.739)
Số dư cuối kỳ	18.223.063.514	34.962.800.087

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	369.461.814	-
Tổng cộng	18.223.063.514	17.853.601.700

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ và dụng cụ
Chi phí trả trước ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	887.793.829	432.628.987
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.451.608.667	236.592.652
	<hr/>	<hr/>
	3.339.402.496	669.221.639

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Số dư đầu kỳ
Tăng trong kỳ
Phân bổ trong kỳ

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.729.788.328	11.313.921.627	485.908.808	13.529.618.763
Tăng trong kỳ	-	2.399.415.664	-	2.399.415.664
Phân bổ trong kỳ	(30.158.586)	(3.773.933.689)	(346.160.597)	(4.150.252.872)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.699.629.742	9.939.403.602	139.748.211	11.778.781.555

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	10.017.777.600
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	1.661.742.000
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	503.125.992	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	4.070.304	-
Bên khác		
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	32.137.643.210	5.231.702.617
Agrocorp International Pte., Ltd.	27.946.040.423	-
CDI Cotton Distributors Inc	21.720.776.816	-
ADM International Sarl	13.601.898.808	7.193.651
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	6.797.098.005	7.539.505.197
Các nhà cung cấp khác	47.709.003.517	64.999.110.104
	150.419.657.075	89.457.031.169

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024	
	Khoản phải thu VND	Khoản phải nộp VND			Khoản phải thu VND	Khoản phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	361.268.831	12.255.463.212	(8.280.824.735)	-	4.335.907.308
Thuế nhập khẩu	-	-	367.802.843	(367.802.843)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.830.360.762	286.753.620	(1.578.841.972)	62.267.280	600.539.690
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.667.998	156.311.804	(163.278.118)	-	14.701.684
Thuế tài nguyên	-	13.059.280	68.411.592	(68.254.264)	-	13.216.608
Trần thuế đất	-	-	4.444.749.156	(3.676.013.806)	-	768.735.350
Các loại thuế khác	-	-	7.039.452.948	(7.039.452.948)	-	-
	-	2.226.356.871	24.618.945.175	(21.174.468.686)	62.267.280	5.733.100.640

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.010.900.000	1.616.501.699
Chi phí điện, nước phải trả	2.368.962.287	834.965.000
Chi phí khác	353.062.178	490.911.446
	<hr/>	<hr/>
	3.732.924.465	2.942.378.145
	<hr/>	<hr/>

23. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.425.713.451	653.797.377
Cổ tức phải trả	1.493.115.250	1.496.390.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.483.651.298	5.329.226.261
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	680.463.345	122.027.301
	<hr/>	<hr/>
	11.082.943.344	7.601.441.189
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty	712.500.000	712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	303.433.821	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	1.015.933.821	831.923.822
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong kỳ		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	482.274.775.795	492.530.556.853	(571.740.006.549)	3.205.179.514	406.270.505.613	
Vay dài hạn đến hạn trả	37.858.478.377	19.546.480.448	(19.818.061.711)	1.092.815.624	38.679.712.738	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	4.412.960.046	1.591.860.101	(2.219.134.968)	22.348.198	3.808.033.377	
	524.546.214.218	513.668.897.402	(593.777.203.228)	4.320.343.336	448.758.251.728	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	7,2%	600.000.000	1.000.000.000
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,95% - 5,05%	50.729.357.493	98.418.615.395
Vay ngân hàng 2	VND	6,95% - 7,25%	110.117.810.483	99.420.338.990
Vay ngân hàng 3	VND	6,5% - 8%	80.618.737.629	67.689.181.439
Vay ngân hàng 4	VND	6,3% - 7,2%	65.449.131.314	75.484.359.120
Vay ngân hàng 5	USD	5% - 5,3%	4.973.658.098	13.065.695.862
Vay ngân hàng 6	USD	5,4% - 5,86%	31.618.089.408	28.648.654.458
Vay ngân hàng 7	VND	6,55% - 8,44%	30.658.510.123	57.042.414.062
Vay ngân hàng 8	VND	9,3%	-	13.908.987.520
Vay nhân viên	VND	2,4% - 7,2%	31.505.211.065	27.596.528.949
			406.270.505.613	482.274.775.795

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 107.367 triệu VND (1/1/2024: 111.946 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	308.292.246.338	319.785.606.544
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	13.488.207.949	15.656.627.914
	321.780.454.287	335.442.234.458
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(42.487.746.115)	(42.271.438.423)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	279.292.708.172	293.170.796.035

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,50%	2025	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	136.317.633.090	132.621.772.184
Vay thành viên Ban Giám đốc (*)	VND	9%	2024	1.000.000.000	1.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 9 (***)	USD	10,1%	2027	62.442.413.796	70.338.297.744
Vay từ ngân hàng 10 (***)	VND	14,3%	2027	34.976.702.844	41.301.125.713
Vay từ ngân hàng 5	USD	5,2%	2024	-	427.573.785
Vay từ ngân hàng 11	VND	6,5%	2024	106.108.000	647.448.510
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	8.450.000.000	8.450.000.000
				308.292.246.338	319.785.606.544

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 121.942 triệu VND (1/1/2024: 112.876 triệu VND) (Thuyết minh 15).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 197.520 triệu VND (1/1/2024: 206.711 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	4.426.980.834	618.947.457	5.231.169.094	818.209.048
Trong vòng hai đến năm năm	10.385.776.108	705.601.536	12.551.105.424	1.307.437.556
	14.812.756.942	1.324.548.993	17.782.274.518	2.125.646.604
			Nợ gốc VND	Nợ gốc VND
			3.808.033.377	4.412.960.046
			9.680.174.572	11.243.667.868
			13.488.207.949	15.656.627.914

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	708.718.588	1.198.373.226
Trích lập trong kỳ	76.508.000	328.172.428
Sử dụng trong kỳ	(231.936.000)	(759.597.751)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	553.290.588	766.947.903

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lũ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	29.836.655.797	12.236.132.950	294.834.725.019
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(75.141.194.782)	467.351.295	(74.673.843.487)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(303.250.116)	(24.922.312)	(328.172.428)
Biến động khác	-	-	-	(11.417.282)	-	(11.417.282)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(45.619.206.383)	12.678.561.933	219.821.291.822
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(103.915.038.630)	12.708.534.217	161.555.431.859
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(53.526.996.905)	414.684.350	(53.112.312.555)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(40.754.390)	(35.753.610)	(76.508.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(157.482.789.925)	13.087.464.957	108.366.611.304

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	30/6/2024 và 1/1/2024	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	46.177.145.667	47.152.719.167
	<hr/>	<hr/>
	55.932.880.667	56.908.454.167
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	97.766	2.481.806.158	53.326	1.280.937.516
EUR	450	11.738.650	450	11.738.650
		<hr/>		<hr/>
		2.493.544.808		1.292.676.166
		<hr/>		<hr/>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2024	1/1/2024
			VND	VND
Công ty TNHH Kaisui – Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	-
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Bôn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	-
			<hr/>	<hr/>
			3.178.881.194	-
			<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Bán hàng	596.478.315.800	664.914.554.364
Cung cấp dịch vụ	9.674.840.377	13.837.958.349
Cung cấp dịch vụ gia công	66.251.102.125	50.512.262.356
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.384.046.565	5.995.814.679
Doanh thu khác	4.043.913.157	3.218.226.020
	679.832.218.024	738.478.815.768

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	608.869.092.032	719.377.907.946
Dịch vụ đã cung ứng	7.193.544.687	14.133.287.501
Dịch vụ gia công đã cung ứng	63.770.925.691	48.472.287.678
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.999.191.269	1.875.024.995
Giá vốn khác	34.594.348	2.764.007.163
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.916.508.615)	(20.188.236.557)
	669.950.839.412	766.434.278.726

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	821.948.668	376.896.326
Lãi do người mua chậm trả	1.822.588.494	1.867.800.290
Khoản hỗ trợ nhận được từ một công ty liên kết	-	1.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	31.674.737
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.353.653.689	15.613.639.920
	<hr/>	<hr/>
	4.998.190.851	18.890.011.273
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.380.192.632	29.458.334.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.183.320.840	11.450.111.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.018.758.297	-
	<hr/>	<hr/>
	40.582.271.769	40.908.446.617
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	1.710.528.120	1.324.921.153
Chi phí vận chuyển	1.883.518.591	3.022.064.366
Chi phí đại lý bán hàng	689.506.749	1.270.350.621
Chi phí bán hàng khác	1.961.720.756	2.844.506.285
	<hr/>	<hr/>
	6.245.274.216	8.461.842.425
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	14.280.527.864	10.419.743.606
Dự phòng phải thu khó đòi	82.723.533	(118.460.590)
Chi phí phân bổ trả trước	864.931.755	1.117.114.829
Chi phí khấu hao và phân bổ	966.906.584	1.030.536.271
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.615.262.787	8.653.927.609
	<hr/>	<hr/>
	22.810.352.523	21.102.861.725
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	229.008.481.935	490.793.338.119
Chi phí nhân công	73.000.442.495	85.803.201.019
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.325.493.814	34.438.507.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.723.309.045	93.030.427.445
Chi phí khác	18.681.467.462	24.293.618.554
	<hr/>	<hr/>
	425.739.194.751	728.359.092.518
	<hr/>	<hr/>

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	286.753.620	18.623.572
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(718.470.145)	92.984.859
	<hr/>	<hr/>
	(431.716.525)	111.608.431
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(53.544.029.080)	(74.562.235.056)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(10.708.805.816)	(14.912.447.012)
Chi phí không được khấu trừ thuế	190.343.913	78.518.048
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	97.948.564	(819.412.156)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	5.524.728.593	5.652.150.133
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗi tính thuế	4.464.068.221	10.112.799.418
	(431.716.525)	111.608.431

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	52.894.123.111	10.578.824.622	25.270.480.145	5.054.096.029
Lỗi tính thuế	103.658.383.005	20.731.676.601	81.338.041.900	16.267.608.380
	156.552.506.116	31.310.501.223	106.608.522.045	21.321.704.409

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	81.338.041.900
2029	Chưa quyết toán	22.320.341.105
		103.658.383.005

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND
2024	2.044.862.629
2025	18.245.190.035
2027	4.980.427.481
2029	27.623.642.966
	52.894.123.111

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay sẽ được khấu trừ trong những kỳ xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lỗi thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Tổng Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
Lỗi thuần thuộc về các cổ đông của Tổng Công ty (VND)	(53.526.996.905)	(75.141.194.782)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	15.639.976	15.639.976
Lỗi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(3.422)	(4.804)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.122.709.789	107.100.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.073.526.789	139.000.000
Lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.844.410.160	3.886.376.303
Chi phí lãi vay	2.268.745.780	2.256.280.143
Hoàn trả gốc vay và lãi vay	1.833.662.109	1.542.516.144
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	236.781.955.616	161.436.157.027
Mua hàng hóa	201.110.797.096	118.354.638.803
Lãi do người mua chậm trả	1.822.251.520	1.867.800.290
Thu nhập khác	6.650.000	250.172.720
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	665.963.781	650.560.136
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	4.011.557.636	5.088.837.512
Mua hàng hóa	-	4.771.363.500
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex		
Mua dịch vụ	-	36.000.000
Giao dịch với người quản lý chủ chốt		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc		
Nhận tiền khoản vay	-	500.000.000
Hoàn trả khoản vay	400.000.000	-
Chi phí lãi vay	83.911.233	79.989.041

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2024 30/6/2023
VND VND

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của
Người quản lý chủ chốt

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	42.000.000	44.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	30.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	30.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	30.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	30.000.000	22.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	30.000.000	22.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	30.000.000	22.000.000

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	235.732.429	200.063.875
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	189.467.657	170.910.436
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	166.579.203	142.037.005

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	32.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	-	17.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	6.000.000

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2024 30/6/2023
VND VND

Lãi vay nhập gốc vay	594.534.434	580.182.480
Lãi tiền gửi nhập gốc	132.500.000	-
Bù trừ khoản hỗ trợ nhận từ một công ty liên kết với khoản phải trả dài hạn khác	-	1.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

29-08-2024

Người lập:



Nguyễn Thị Tình
Kế toán viên

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

T. Y. H. H. I. O. I.